

Bản án số: 13/2018/DS-PT

Ngày: 13 - 4 - 2018

V/v tranh chấp “Yêu cầu bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”;
“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên
Ông Nguyễn Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 02/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”, “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/- Ông Nguyễn T, sinh năm 1962 (có mặt)

2/- Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn TH2, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Đào Văn Phòng - Luật sư Văn phòng Luật sư Hải Phát, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Ông Cao Văn N1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Hứa Thanh

K - Luật sư Văn phòng Luật sư NL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 13/3/2018 của bà Nguyễn Thị B: ông Cao Văn N1, sinh năm 1964 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B: Ông Hứa Thanh K - Luật sư Văn phòng Luật sư Nhất Linh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B; Bị đơn ông Cao Văn N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- **Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:**

Ngày 18/01/2012, vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B có vay của vợ chồng ông bà 100.000.000 đồng để đầu tư trồng mì. Khi vay có lập giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 3%/tháng.

Để trả khoản vay nói trên, ngày 18/3/2012 vợ chồng ông N1 bà B bán sản phẩm mì cho vợ chồng ông bà, quy thành tiền là 30.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2014, vợ chồng ông bà và vợ chồng ông N1 bà B tính lãi còn thiếu nhập vào vốn vay thành khoản nợ mới là 91.000.000 đồng. Để hợp thức hóa khoản nợ 91.000.000 đồng, ngày 26/01/2014 hai bên đã viết và ký Giấy mượn tiền có nội dung vợ chồng ông N1 bà B nợ của vợ chồng ông bà 91.000.000 đồng.

Từ ngày 26/01/2014 đến ngày 26/3/2015, vợ chồng ông N1 bán sản phẩm mì, quy thành tiền để trả khoản vay nói trên là 20.000.000 đồng. Cũng với cách tính lãi còn thiếu nhập vào vốn vay như nói trên, ngày 26/3/2015 hai bên viết và ký Giấy mượn tiền có nội dung: Vợ chồng ông N1 bà B nợ vợ chồng ông bà 108.800.000 đồng.

Từ ngày 26/3/2015 đến ngày 16/01/2016, vợ chồng ông N1 bán sản phẩm mì, quy đổi thành tiền để trả khoản vay nói trên là 45.750.000 đồng. Cũng với cách tính lãi nhập vào vốn vay nói trên, ngày 26/01/2016 hai bên đã viết và ký Giấy mượn tiền có nội dung vợ chồng ông N1 bà B nợ vợ chồng ông bà 95.000.000 đồng.

Ngày 08/11/2016, vợ chồng ông N1 bà B mượn thêm của vợ chồng ông bà 3.000.000 đồng để đi Đà Nẵng lo việc gia đình.

Như vậy, tính đến ngày 08/11/2016, vợ chồng ông N1 bà B nợ của vợ chồng ông bà tổng cộng là 98.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N1 bà B phải trả cho vợ chồng ông bà 98.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng của 98.000.000 đồng, tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

- Bị đơn ông Cao Văn N1 trình bày:

Tháng 8/2011, ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị B, có vay của vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B 50.000.000 đồng để đầu tư trồng mì, lãi suất 4,5%. Khi vay không lập giấy vay tiền. Vợ chồng ông sẽ trả nợ bằng cách khi thu hoạch sẽ bán mì cho vợ chồng ông T bà B. Sau khi vay tiền, do vụ trồng mì lần đầu bị mất mùa, nên vợ chồng ông không trả được khoản nợ này cho vợ chồng ông T bà B.

Các vụ mì tiếp theo, vợ chồng ông đã trả dần nợ vốn và lãi cho vợ chồng ông T bà B bằng cách bán sản phẩm mì thu hoạch cho vợ chồng ông T bà B. Cụ thể: Lần 01: Tháng 3/2013 trả 30.000.000 đồng; Lần 02: Ngày 26/4/2014 trả 20.000.000 đồng; Lần 03: Ngày 26/3/2015 trả 45.750.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông đã trả cho vợ chồng ông T bà B 95.750.000 đồng.

Năm 2016, do mì bị mất mùa, nên ông có đến nhà gặp vợ chồng ông T bà B xin giảm tiền lãi nhưng vợ chồng ông T bà B không đồng ý.

Ngày 08/11/2016, vợ chồng ông có mượn thêm của vợ chồng ông T bà B 3.000.000 đồng để đi Đà Nẵng.

Hiện vợ chồng ông không còn nợ gì vợ chồng ông T bà B.

Ngày 15/01/2017, vợ chồng ông T dẫn một số người đến nhà ông đập phá hư hỏng một số tài sản gồm: 01 Biển quảng cáo; 01 van đồng hồ nước sạch và hâm dọa gia đình ông.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông T bà B phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông tổng cộng là 1.280.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là vợ của ông Cao Văn N1. Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông N1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 3, 6 Điều 26; Điều 35; Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Cao Văn N1.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B. Buộc ông N1 bà B phải trả cho vợ chồng ông T bà B số gốc và lãi là 115.716.700 đồng.

Tại Quyết định sửa đổi, bổ sung bản án sơ thẩm số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước đã quyết định:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước như sau:

Tại dòng thứ 20 trở xuống, trang 4 của bản án đã ghi: “ Ngày 18/01/2012 vay 100.000.000 đồng đến ngày 18/3/2012. Vợ chồng ông N1 bà B trả 30.000.000

đồng, ngày 26/3/2015 trả 20.000.000 đồng, ngày 26/01/2016 trả 45.750.000 đồng, số tiền các lần trả là 95.750.000 đồng. Nợ gốc 100.000.000 đồng + lãi 108.466.700 đồng = 208.466.700 đồng; 208.466.700 đồng - 95.750.00 đồng = 112.716.700 đồng. Tổng cộng: 112.716.700 đồng + 3.000.000 đồng không tính lãi = 115.716.700 đồng. Do đó buộc vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/12/2017 là 115.716.700 đồng.

Về án phí: Buộc Vợ chồng ông Cao Văn N1 phải chịu 5.785.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí ông N1 đã nộp, theo biên lai số 0012462 ngày 31/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông N1 bà B còn phải nộp 5.485.500 đồng.

Do một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận nên ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 2.314.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.450.000 đồng tạm ứng án phí bà B đã nộp, theo biên lai số 0012489 ngày 24/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Hoàn trả cho ông T bà B 135.900 đồng.

Tại dòng 7, 8 trang 5 của bản án đã ghi: “Buộc vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/12/2017 là 115.716.700 đồng.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Ngày 18/01/2012 vay 100.000.000 đồng đến ngày 18/3/2012 vợ chồng ông N1 bà B trả 30.000.000 đồng.

Nợ gốc: 100.000.000 đồng x 20% x 2 : 12 = 3.333.200 đồng

100.000.000 đồng - 30.000.000 đồng = 70.000.000 đồng.

Ngày 18/3/2012 đến 26/3 /2015 trả 20.000.000 đồng.

Nợ gốc: 70.000.000 đồng x 20% x 36 tháng 8 ngày : 12 = 42.308.600 đồng

70.000.000 đồng - 20.000.000 đồng = 50.000.00 đồng.

Ngày 26/3/2015 đến ngày 26/01/2016 trả 45.750.000 đồng

Nợ gốc: 50.000.000 đồng x 20% x 10 : 12 = 8.333.000 đồng.

Từ ngày 26/01/2016 đến 07/12/2017: Nợ gốc: 4.250.000 đồng x 20% x 22 tháng 10 ngày : 12 = 1.581.900 đồng

Tổng số tiền phải trả: Gốc 4.250.000 đồng + lãi 55.556.700 đồng + 3.000.000 đồng tiền vay không thể hiện lãi là 62.806.700 đồng. Do đó buộc vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị Bùi phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc Bích số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/12/2017 là 62.806.700 đồng.

Về án phí: Ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị Bùi phải chịu 3.140.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Vợ chồng ông N1 bà B còn phải nộp 2.840.300 đồng.

Ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc Bích phải chịu 5.000.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm do một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào 2.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông T bà B còn phải nộp 2.550.600 đồng.

- Ngày 21/11/2017, ông Cao Văn N1 làm đơn và nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

- Ngày 22/12/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc B làm đơn và nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước cho Tòa án. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải trả cho vợ chồng bà B 98.000.000 đồng và lãi suất của 98.000.000 đồng này theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện N; Buộc vợ chồng ông N1 bà B phải trả cho vợ chồng bà B ông T 3.000.000 đồng tiền mượn không tính lãi suất; 4.250.000 đồng vốn vay và 35.730.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B vắng mặt. Bà B ủy quyền cho ông Cao Văn N1 tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 13/3/2018 (BL 116). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà B.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/12/2017, Nguyên đơn ông N1 rút yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của ông N1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm không tuyên cho ông N1 được quyền khởi kiện lại là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định cho ông N1 được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đã rút tại phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không thay đổi địa vị tố tụng, cụ thể: Bị đơn ông T bà B thành Nguyên đơn; Nguyên đơn ông N1 thành Bị đơn là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa địa vị tố tụng của các đương sự.

- **Về nội dung:** Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B không rút đơn khởi kiện; Người kháng cáo Nguyên đơn bà B, Bị đơn ông Cao Văn N1 không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”; “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bà B; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước;

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn ông Cao Văn N1, bà Nguyễn Thị B (ủy quyền cho ông N1 tham gia tố tụng), Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông N1; Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

- Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có nội dung: Yêu cầu vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải trả cho vợ chồng bà B ông T 98.000.000 đồng vốn vay và lãi suất của 98.000.000 đồng này theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Giấy mượn tiền ngày 26/01/2016 (BL 38), có nội dung: Vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B mượn của bà Nguyễn Thị Ngọc B 95.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Giấy mượn tiền này có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B. Tại mặt sau của Giấy mượn tiền này, có nội dung: “Hôm nay ngày 8/11/2016 có mượn của anh chị Bích + Thất đi Đà Nẵng, có chữ ký, chữ viết họ tên Người mượn tiền là ông Cao Văn N1.

- Tại Đơn yêu cầu phản tố ngày 24/7/2017 (BL 31), Bản tự khai ngày 02/8/2017 (BL 57) của Nguyên đơn bà B trình bày: Vợ chồng ông N1 có vay tiền của vợ chồng bà để trông mi đến khi thu hoạch thì trả tiền bằng việc bán mi, năm nào chót sổ năm đó, lãi suất theo thỏa thuận hai bên. Năm 2016, khi thu hoạch mi xong, vợ chồng ông N1 không bán mi cho bà mà bán mi cho nhà máy, cũng không trả tiền cho bà. Vợ chồng ông N1 vay của vợ chồng bà 95.000.000 đồng, sau đó

vay thêm 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%, thời gian tính lãi theo giấy vay tiền mà các bên đã ký.

- Tại Bản tự khai ngày 02/8/2017 (BL 59), Bị đơn ông N1 khai: Vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông T bà B 50.000.000 đồng. Từ tháng 8/2011 đến ngày 18/01/2013 có trả bằng mì tươi ba lần, số tiền trả 95.750.000 đồng. Ngày 26/01/2016, vợ chồng ông đã trả hết.

- Tại Bản tự khai ngày 02/8/2017 (BL 58), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B khai: Vợ chồng bà có vay của vợ chồng bà B 50.000.000 đồng để đầu tư trồng mì, nhưng bà đã trả gốc lẫn lãi là 95.750.000 đồng.

- Tại Biên bản hòa giải ngày 02/8/2017 (BL 60) thể hiện: Bị đơn ông N1 trình bày: Tháng 8/2011, ông có vay của vợ chồng bà B 50.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/ tháng, đến mùa thu hoạch mì sẽ trả dần bằng mì tươi. Từ tháng 8/2011 đến ngày 18/3/2013, tổng số tiền vay gốc và lãi là 99.810.000 đồng, vợ chồng ông đã trả cho vợ chồng ông T bà B 95.750.000 đồng. Hiện tại, vợ chồng ông không còn nợ gì vợ chồng ông T bà B; Nguyên đơn bà B trình bày: Ông N1 bà B có vay tiền của vợ chồng bà để trồng mì. Hàng năm thu hoạch mì, tính theo giá thị trường tại thời điểm bán, khi thu hoạch xong hai bên đều chốt nợ. Ngày 26/01/2016, vợ chồng ông N1 bà B có vay và còn nợ 95.000.000 đồng. Ngày 08/11/2016, vay thêm 3.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng ông N1 bà B vay của vợ chồng bà là 98.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2018 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận lập (BL 102, 103), Bị đơn ông N1 khai: Vợ chồng ông chỉ vay của vợ chồng bà B 50.000.000 đồng để đầu tư trồng mì. Khi vay không lập giấy tờ, không tính lãi suất. Các giấy mượn tiền ngày 18/01/2012, Giấy mượn tiền ngày 26/01/2014, Giấy mượn tiền ngày 26/3/2015, Giấy mượn tiền ngày 26/01/2016 là do vợ chồng bà B soạn sẵn bằng vi tính, ông N1 viết tay điền vào mẫu giấy mượn tiền; chữ ký và chữ viết người mượn tiền là của ông N1 bà B. Tại mặt sau của các Giấy mượn tiền này có ghi cách tính lãi suất đều là chữ viết của bà B.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2018 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận lập (BL 100, 101), Nguyên đơn vợ chồng ông T bà B khai: Vợ chồng ông bà cho vợ chồng ông N1 bà B vay 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 18/01/2012. Giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 3%/tháng. Vợ chồng bà B cũng thừa nhận các Giấy mượn tiền ngày 18/01/2012, Giấy mượn tiền ngày 26/01/2014, Giấy mượn tiền ngày 26/3/2015, Giấy mượn tiền ngày 26/01/2016 do vợ chồng bà B soạn sẵn bằng vi tính, ông N1 viết vào giấy mượn tiền; chữ ký và chữ viết người mượn tiền là của ông N1 bà B. Tại mặt sau của các Giấy mượn tiền này, bà B viết cách tính lãi suất.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên, đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông N1 bà B có vay của vợ chồng ông T bà B 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 18/01/2012 (bản gốc) do ông N1 nộp kèm theo đơn khởi kiện là có cơ sở. Việc vợ chồng ông N1 bà B cho rằng chỉ vay của vợ chồng bà B ông T 50.000.000 đồng, nhưng không được vợ chồng ông T bà B thừa nhận;

Vợ chồng ông N1 bà B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh.

Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông T bà B và vợ chồng ông N1 bà B được ký kết ngày 18/01/2012 khi Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng mức lãi suất 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất của 100.000.000 đồng vốn vay là không đúng quy định pháp luật.

Tại đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thi hành thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:

a) ...Giao dịch dân sự đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11.”

Xét về lãi suất: Bên cho vay tiền vợ chồng ông T bà B cho rằng lãi suất cho vay là 3%/tháng, bên vay tiền vợ chồng ông N1 bà B cho rằng lãi suất vay 4,5%/tháng, là đều cao hơn mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a, b tiểu mục 4 chương I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 về việc hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước; Căn cứ Biên bản xác minh ngày 23/3/2018 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận lập (BL 118): Lãi suất 9%/năm; $150\% \times 9\%/năm = 13,5\%/năm = 1,125\%/tháng = 0,0375\%/ngày$. Như vậy lãi suất của 100.000.000 đồng vốn vay, tính từ ngày vợ chồng ông N1 bà B vay tiền của vợ chồng ông T bà B được tính như sau:

- Từ ngày 18/01/2012 đến ngày 18/3/2012 là 60 ngày, tiền lãi là: 100.000.000 đồng $\times 0,0375\%/ngày \times 60 ngày = 2.250.000$ đồng.

Ngày 18/3/2012 vợ chồng ông N1 bà B trả cho vợ chồng ông T bà B 30.000.000 đồng vốn vay. Nên vợ chồng ông N1 bà B còn nợ của vợ chồng ông T bà B là 70.000.000 đồng vốn vay (cách tính: 100.000.000 đồng - 30.000.000 đồng).

- Từ ngày 19/03/2012 đến ngày 26/3/2015 là 1.102 ngày, tiền lãi là: 70.000.000 đồng $\times 0,0375\%/ngày \times 1.102 ngày = 28.927.500$ đồng.

Ngày 26/3/2015 vợ chồng ông N1 bà B trả cho vợ chồng ông T bà B 20.000.000 đồng vốn vay, nên vợ chồng ông N1 bà B còn nợ của vợ chồng ông T bà B 50.000.000 đồng vốn vay (cách tính: 70.000.000 đồng - 20.000.000 đồng).

- Từ ngày 27/3/2015 đến ngày 26/01/2016 là 305 ngày, tiền lãi là: 50.000.000 đồng $\times 0,0375\%/ngày \times 305 ngày = 5.718.750$ đồng.

Ngày 26/01/2016 vợ chồng ông N1 bà B trả cho vợ chồng ông T bà B 45.750.000 đồng vốn vay, nên vợ chồng ông N1 bà B còn nợ của vợ chồng ông T bà B 4.250.000 đồng (cách tính: 50.000.000 đồng - 45.750.000 đồng).

- Từ ngày 27/01/2016 đến ngày 07/12/2017 xét xử sơ thẩm là 680 ngày, tiền lãi là: 4.250.000 đồng x 0,0375%/ngày x 680 ngày = 1.083.750 đồng.

Tổng cộng đến ngày 07/12/2017 xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông N1 bà B còn nợ của vợ chồng ông T bà B 4.250.000 đồng vốn vay; 37.980.000 đồng lãi (cách tính: 2.250.000 đồng + 28.927.500 đồng + 5.718.750 đồng + 1.083.750 đồng) và 3.000.000 đồng mượn không tính lãi.

Với phân tích đánh giá chứng cứ nói trên; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo yêu cầu tính lãi suất cho vay theo quy định pháp luật của bà B.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng không đúng quy định của pháp luật, nên tính lãi suất của số tiền vốn vay không chính xác. Tuy nhiên các vi phạm này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước của ông Cao Văn N1.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung yêu cầu kháng cáo của bà B; Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của ông N1; Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn về số tiền vốn vay và lãi suất vợ chồng ông N1 bà B phải trả cho vợ chồng ông T bà B và án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.261.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm {Cách tính: [(4.250.000 đồng vốn vay + 37.980.000 đồng lãi suất + 3.000.000 đồng tiền mượn) x 5%]}.

Vợ chồng bà B ông T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.362.475 đồng {Cách tính: [98.000.000 đồng vốn vay + (98.000.000 đồng x 0,0375%/ngày x 394 ngày) lãi suất – 45.230.000 đồng được Tòa án chấp nhận] x 5%}.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm, nên những người kháng cáo bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Cao Văn N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp cho ông N1, bà B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B.

Áp dụng: Khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Đình chỉ yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản của ông Cao Văn N1. Ông Cao Văn N1 được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại khi thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147 và Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Buộc vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B 4.250.000 đồng vốn vay và 37.980.000 đồng lãi suất.

- Buộc vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B 3.000.000 đồng tiền mượn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.261.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012462 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng ông Cao Văn N1 bà Nguyễn Thị B còn phải chịu 1.961.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 3.362.475 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.450.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012489 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng ông Nguyễn T bà Nguyễn Thị Ngọc B còn phải chịu 912.475 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Cao Văn N1, bà Nguyễn Thị Ngọc B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn lại cho ông Cao Văn N1 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013378 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc B 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013379 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hồng

